

TRƯỜNG THPT THÁI PHIÊN – ĐÀ NẴNG
ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ I – NĂM HỌC 2020-2021
MÔN NGỮ VĂN LỚP 11

A. MA TRẬN ĐỀ

NỘI DUNG		MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT				TỔNG
		Nhận biết	Thông hiểu	Mức độ vận dụng		
				Vận dụng	Vận dụng cao	
I. Đọc hiểu	Ngữ liệu: một đoạn trích văn xuôi ngoài Sgk, độ dài không quá 300 chữ.	Phong cách ngôn ngữ, phương thức biểu đạt, thể thơ, thao tác lập luận, biện pháp tu từ, ...	- Nội dung của văn bản. - Lí giải được quan điểm của tác giả, nội dung của một ý trong văn bản; Tác dụng của biện pháp tu từ,...	Bày tỏ quan điểm của bản thân về một vấn đề và có lí giải thuyết phục		
Tổng	Số câu	2	1	1		4
	Số điểm	1,0	1,0	1,0		3.0
	Tỉ lệ	10%	10%	10 %		30%
II. Làm văn:						
1. Nghị luận xã hội	Viết một đoạn văn nghị luận xã hội (khoảng 150 chữ)	.	.	Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ về một vấn đề được đặt ra trong nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu.	.	
Tổng	Số câu					1
	Số điểm					2.0
	Tỉ lệ					20%
2. Nghị luận văn học	Nghị luận về một đoạn thơ (dài 4-6 câu)/ đoạn văn xuôi (dung lượng vừa phải, có sự việc); hoặc một khía cạnh nội dung hoặc nghệ	-Có hiểu biết về văn nghị luận. -Xác định đúng dạng đề NLVH, xác định đúng luân	Hiểu biết về nội dung ý nghĩa – nghệ thuật của 03 tác phẩm thơ trung đại: <i>Câu cá mùa thu, Thương vợ, Bài ca ngất ngưởng</i> và 02 tác	Vận dụng các thao tác lập luận phân tích, so sánh, chứng minh... để viết bài văn nghị luận văn học.	Có sáng tạo riêng về ý tưởng, có suy nghĩ sâu sắc, diễn đạt trôi chảy.	

	thuật của một bài thơ/ tác phẩm văn xuôi; hoặc về một vẻ đẹp của hình tượng nhân vật trong tác phẩm văn xuôi.	đề, luận điểm.	phẩm văn học hiện đại <i>Hai đứa trẻ, Chữ người tử tù.</i>			
Tổng	Số câu					1
	Số điểm					5.0
	Tỉ lệ					50%
Tổng	Số câu	2	1	2	1	6
	Số điểm	1,0	1,0	3,0	5.0	10.0
	Tỉ lệ	10%	10 %	30 %	50%	100%

B.NỘI DUNG ÔN TẬP

PHẦN I: KIẾN THỨC ĐỌC HIỂU

1. PHƯƠNG THỨC BIỂU ĐẠT

Nhận diện qua mục đích giao tiếp

Tự sự : - Trình bày diễn biến sự việc

Miêu tả : - Tái hiện trạng thái, sự vật, con người..

Biểu cảm: - Bày tỏ tình cảm, cảm xúc

Nghị luận: - Trình bày ý kiến đánh giá, bàn luận...

Thuyết minh: - Trình bày đặc điểm, tính chất, phương pháp, nguyên lý, công dụng...

Hành chính - công vụ: - Trình bày ý muốn, quyết định nào đó, thể hiện quyền hạn, trách nhiệm giữa người với người.

2.Phong cách ngôn ngữ:

Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt

- Sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp hàng ngày, mang tính tự nhiên, thoải mái và sinh động, ít trau chuốt... Trao đổi thông tin, tư tưởng, tình cảm trong giao tiếp với tư cách cá nhân.

- Gồm các dạng chuyện trò/ nhật ký/ thư từ...

- Đặc trưng: Tính cụ thể, tính cảm xúc, tính cá thể

Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật

- Dùng chủ yếu trong các tác phẩm văn chương, không chỉ có chức năng thông tin mà còn thỏa mãn nhu cầu thẩm mỹ của con người; từ ngữ trau chuốt, tinh luyện...

- Đặc trưng: Tính hình tượng, tính truyền cảm, tính cá thể

Phong cách ngôn ngữ báo chí

- Kiểu diễn đạt dùng trong các loại văn bản thuộc lĩnh vực truyền thông của xã hội và tất cả các vấn đề thời sự (thông tấn=thu thập và biên tập tin tức để cung cấp cho các nơi)

- Các thể loại tiêu biểu: bản tin, phóng sự, tiểu phẩm...

- Đặc trưng : Tính thông tin thời sự, Tính ngắn gọn, tính sinh động, hấp dẫn.

3.Các biện pháp tu từ:

3.1. Các biện pháp tu từ phổ biến

- *Tu từ về ngữ âm:* điệp âm, điệp vần, điệp thanh,...(tạo âm hưởng và nhịp điệu cho câu)

- *Tu từ về từ:* so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, hoán dụ, nhân hóa, tương phản, chơi chữ, nói giảm, nói tránh, thậm xưng,...

- *Tu từ về cú pháp:* Lặp cú pháp, liệt kê, chêm xen, câu hỏi tu từ, đảo ngữ, đối, im lặng...

Hiệu quả (tác dụng nghệ thuật)

So sánh: Giúp sự vật, sự việc được miêu tả sinh động, cụ thể tác động đến trí tưởng tượng, gợi hình dung và cảm xúc.

An dụ: Cách diễn đạt hàm súc, cô đọng, giá trị biểu đạt cao, gợi những liên tưởng ý nhị, sâu sắc

Nhân hóa: Làm cho đối tượng hiện ra sinh động, gần gũi, có tâm trạng và có hồn hơn

Hoán dụ: diễn tả sinh động nội dung thông báo và gợi những liên tưởng ý vị, sâu sắc

Điệp từ/ ngữ/ cấu trúc: Nhấn mạnh, tô đậm ấn tượng – tăng giá trị biểu cảm

Nói giảm: Làm giảm nhẹ đi ý đau thương, mất mát nhằm thể hiện sự trân trọng

Thậm xưng (phóng đại): Tô đậm ấn tượng về...

Câu hỏi tu từ: Bộc lộ cảm xúc, gây chú ý...

Đảo ngữ: Nhấn mạnh, gây ấn tượng về...

Đối: Tạo sự cân đối nhịp nhàng giữa các vế câu.

Im lặng(...): Tạo điểm nhấn, gợi sự lắng đọng cảm xúc, diễn biến tâm lý...

Liệt kê: Diễn tả cụ thể, toàn diện sự việc

3.2. CÁC HÌNH THỨC, PHƯƠNG TIỆN NGÔN NGỮ KHÁC

- Từ láy, thành ngữ, từ Hán – Việt...

- Điển tích điển cố...

a. Phương thức trần thuật.

- **Kể trực tiếp:** Trần thuật từ ngôi thứ nhất do nhân vật tự kể chuyện (*Tôi*)

- **Kể gián tiếp:** trần thuật từ ngôi thứ ba – người kể chuyện giấu mặt.

- **Kể nửa trực tiếp:** Trần thuật từ ngôi thứ ba – người kể chuyện tự giấu mình nhưng điểm nhìn và lời kể lại theo giọng điệu của nhân vật trong tác phẩm.

b. Các phép liên kết (liên kết các câu trong văn bản)

- **Phép lặp từ ngữ:** Lặp lại o câu đứng sau những từ ngữ đã có o câu trước.

- **Phép liên tưởng (đồng nghĩa / trái nghĩa):** Sử dụng o câu đứng sau những từ ngữ đồng nghĩa/ trái nghĩa hoặc cùng trường liên tưởng với từ ngữ đã có o câu trước.

- **Phép nối:** Sử dụng o câu sau các từ ngữ biểu thị quan hệ (nối kết) với câu trước.

c. Nhận diện các thao tác lập luận

- **Phân tích:** là *chia tách* đối tượng, sự vật hiện tượng thành nhiều bộ phận, yếu tố nhỏ để đi sâu xem xét kĩ lưỡng nội dung và mối liên hệ bên trong của đối tượng. Sau đó *tích hợp* lại trong kết luận chung

- **Chứng minh:** là đưa ra những cứ liệu – dẫn chứng xác đáng để làm **sáng tỏ** một lí lẽ, một ý kiến để thuyết phục người đọc, người nghe **tín** trọng vào vấn đề.

- **So sánh:** là một thao tác lập luận nhằm **đoi chiếu** hai hay nhiều sự vật, đối tượng hoặc là các mặt của một sự vật để chỉ ra những nét giống nhau hay khác nhau, từ đó thấy được giá trị của từng sự vật hoặc một sự vật mà mình quan tâm.

+ Hai sự vật cùng loại có nhiều điểm giống nhau thì gọi là so sánh tương đồng, có nhiều điểm đối chọi nhau thì gọi là so sánh tương phản.

d. Yêu cầu sử dụng các kiểu câu và hiệu quả sử dụng

7.1. Câu theo mục đích nói:

- Câu tường thuật (câu kể)

- Câu cảm thán (câu cảm)

- Câu nghi vấn (câu hỏi)

- Câu khẳng định

- Câu phủ định

7.2. Câu theo cấu trúc ngữ pháp

- Câu đơn

- Câu ghép/ Câu phức

- Câu đặc biệt

e. Yêu cầu xác định nội dung chính của văn bản/ Đặt nhan đề

f. Yêu cầu nhận diện các lỗi diễn đạt và sửa lại cho đúng

9.1. Lỗi diễn đạt (chính tả, dùng từ, ngu pháp)

9.2. Lỗi lập luận (lỗi logic...)

g. Yêu cầu cảm nhận nội dung và cảm xúc thể hiện trong văn bản - Cảm nhận về nội dung phản ánh.

- Cảm nhận về cảm xúc của tác giả.

h. Yêu cầu xác định từ ngữ, hình ảnh biểu đạt nội dung cụ thể trong văn bản.

- Chỉ ra những từ ngữ, hình ảnh thể hiện nội dung cụ thể/ nội dung chính của văn bản.

- chỉ ra từ ngữ chứa đựng chủ đề đoạn văn.

PHẦN II. TÁC PHẨM VĂN HỌC

I. VĂN HỌC TRUNG ĐẠI

1. Câu cá mùa thu (Thu điếu- Nguyễn Khuyến)

a) **Tác giả:** Nguyễn Khuyến là bậc túc nho tài năng, có cốt cách thanh cao, có tấm lòng yêu nước thương dân nhưng bất lực trước thời cuộc; được mệnh danh là “*nhà thơ của dân tình làng cảnh Việt Nam*”.

b) **Tác phẩm:**

Đề tài: Mùa thu (liên hệ với các bài thơ thu khác với *Thu vịnh*, *Thu ẩm* trong chùm thơ của Nguyễn Khuyến).

b 1) Nội dung:

- *Hai câu đề:* Giới thiệu mùa thu với hai hình ảnh vừa đối lập vừa cân đối, hài hòa; bộc lộ rung cảm của tâm hồn thi sĩ trước cảnh đẹp mùa thu.

- *Hai câu thực:* Tiếp tục nét vẽ về mùa thu với hình ảnh sóng biếc gợn thành hình, lá vàng rơi thành tiếng, gợi vẻ tĩnh lặng của mùa thu.

- *Hai câu luận:* Không gian của bức tranh thu được mở rộng cả về chiều cao và chiều sâu với nét đặc trưng của cảnh thu đồng bằng Bắc Bộ thanh, cao, trong, nhẹ,...

- *Hai câu kết:* Hình ảnh của ông câu cá trong không gian thu tĩnh lặng và tâm trạng u buồn trước thời thế.

b 2) Nghệ thuật:

- Bút pháp *thủy mặc Đường thi* và vẻ đẹp *thi trung hữu họa* của bức tranh phong cảnh;

- Vận dụng tài tình nghệ thuật *đối*.

b 3) Ý nghĩa văn bản:

Vẻ đẹp của bức tranh mùa thu, tình yêu thiên nhiên, đất nước và tâm trạng thời thế của tác giả.

2. Thương vợ (Trần Tế Xương)

a) **Tác giả:**

- Cuộc đời ngắn ngủi, nhiều gian truân và một sự nghiệp thơ ca bất tử.

- Thơ trào phúng và trữ tình của ông đều xuất phát từ tấm lòng gắn bó sâu nặng với dân tộc, đất nước; có công hiến quan trọng về phương diện nghệ thuật cho thơ ca dân tộc.

b) **Tác phẩm:**

Đề tài: Viết về bà Tú (liên hệ với các bài thơ khác cùng đề tài trong thơ Tú Xương).

b 1) Nội dung:

- *Hai câu đề:* Lời kể về công việc làm ăn và gánh nặng gia đình mà bà Tú phải đảm đương. Cần chú ý cách tính thời gian của sự vất vả (*quanh năm*), cách nói về nơi và công việc làm ăn (*buôn bán ở mom sông*), cách nói về chuyện bà Tú nuôi đủ cả con lẫn chồng để thấy được sự tri ân của ông đối với vợ.

- *Hai câu thực*: Đặc tả cảnh làm ền vất vả để mưu sinh của bà Tú (*chú ý các từ ngữ lặn lội, eo sèo, thân cò, khi quăng văng, buổi đò đông*) để thấy nỗi thông cảm sâu sắc trước sự tảo tần của người vợ.

- *Hai câu luận*: Bình luận về cảnh đời oái oăm mà bà Tú gánh chịu.. Chú ý âm dương lẫn lộn, vần, như một tiếng thở dài nặng nề, chua chát để thấy ông Tú thấu hiểu tâm tư của người vợ, do đó càng thương vợ sâu sắc.

- *Hai câu kết*: Là tiếng chửi, tự chửi mình và chửi thói đời đen bạc.

b 2) Nghệ thuật:

- Vận dụng sáng tạo ngôn ngữ và thi liệu văn hóa dân gian;

- Kết hợp nhuần nhuyễn giữa trữ tình và trào phúng.

b 3) Ý nghĩa văn bản:

Chân dung người vợ trong cảm xúc yêu thương cùng tiếng cười tự trào và một cách nhìn về thân phận người phụ nữ của Tú Xương.

3. Bài ca ngất ngưỡng (Nguyễn Công Trứ)

a) Tác giả:

- Nguyễn Công Trứ là nhà nho tài tử, trung thành với lí tưởng trí quân trạch dân; cuộc đời phong phú, đầy thăng trầm; sống bản lĩnh, phóng khoáng và tự tin, có nhiều đóng góp cho dân nước;

- Góp phần quan trọng vào việc phát triển thể hát nói trong văn học Việt Nam.

b) Tác phẩm:

- Hoàn cảnh ra đời: viết trong thời kì cáo quan về hưu, ở ngoài vòng vương tỏa của quan trường và những ràng buộc của lễ giáo phẫn sự, có thể bộc lộ hết tâm tư phóng khoáng của bản thân đồng thời là cái nhìn mang tính tổng hợp kết về cuộc đời phong phú.

- Đặc điểm của thể *hát nói*.

b 1) Nội dung: Hình ảnh “ông ngất ngưỡng”.

- “*Ngất ngưỡng*” trên hành trình hoạn lộ: người quân tử sống bản lĩnh, đầy tự tin, kiên trì lí tưởng.

- “*Ngất ngưỡng*” khi cáo quan về hưu: bậc tài tử phong lưu, không ngần ngại khẳng định cá tính của mình.

Tất cả đều thể hiện cá tính, bản lĩnh, sự tự tin của con người có cốt cách độc đáo khi nhìn lại đời mình và tự thể hiện mình. Trên cơ sở đó, thấy rõ vẻ đẹp nhân cách của Nguyễn Công Trứ: một con người giàu năng lực, dám sống cho mình bỏ qua sự gò bó của lễ giáo, theo đuổi cái tâm tự nhiên.

b 2) Nghệ thuật:

Sự phù hợp của thể hát nói với việc bày tỏ tư tưởng, tình cảm tự do phóng túng, thoát ra ngoài khuôn khổ của tác giả.

b 3) Ý nghĩa văn bản:

Con người Nguyễn Công Trứ thể hiện trong hình ảnh “ông ngất ngưỡng” : từng làm nên sự nghiệp lớn, tâm hồn tự do phóng khoáng, bản lĩnh sống mạnh mẽ, ít nhiều có sự phá cách về quan niệm sống, vượt qua khuôn sáo khắt khe của lễ giáo phong kiến.

II. VĂN HỌC HIỆN ĐẠI.

1. Văn học lãng mạn :

a) Những vấn đề cần lưu ý khi tìm hiểu tác phẩm của xu hướng văn học lãng mạn

- Là xu thế vươn lên, vượt lên những thực tại khách quan bằng cảm xúc chủ quan của người nghệ sĩ, thể hiện những khát vọng mạnh mẽ hướng về những vẻ đẹp khác lạ trong thế giới của mơ ước, tương tượng, ở tương lai hay quá khứ;

- Thường khai thác những đề tài như thiên nhiên, tình yêu, hồi tưởng kỉ niệm; đi tìm cái đẹp trong những cái phi thường, độc đáo, vượt lên cái tầm thường, quen thuộc của đời sống hằng ngày. Nó đề cao nguyên tắc chủ quan, phát huy cao độ sức mạnh của trí tưởng tượng, liên tưởng, cách diễn đạt theo kiểu phóng đại, thủ pháp tương phản, đối lập, ngôn ngữ giàu tính biểu cảm và gây ấn tượng mạnh mẽ.

b. Tác phẩm “Hai đứa trẻ” – Thạch Lam và “Chữ người tử tù” – Nguyễn Tuân.

- Qua truyện ngắn *Hai đứa trẻ*, Thạch Lam đã thể hiện một cách nhẹ nhàng và thấm thiết niềm xót thương đối với những kiếp người sống cơ cực, quần quanh nơi phố huyện nghèo trước CMT8 năm 1945. Đồng thời, ông còn thể hiện niềm trân trọng ước mong vươn tới một cuộc sống tốt đẹp hơn của họ.

- Qua truyện ngắn *Chữ người tử tù*, Nguyễn Tuân đã xây dựng nên một tình huống truyện vô cùng độc đáo, một mối quan hệ đầy éo le, trớ trêu của những tâm hồn tri âm tri kỉ, làm nổi bật lên vẻ đẹp hình tượng của nhân vật Huân Cao và làm sáng tỏ tấm lòng biệt nhỡn liên tài của viên quản ngục. Qua đó, chủ đề của tác phẩm được thể hiện rõ nét: sự chiến thắng của ánh sáng với bóng tối, cái đẹp với cái xấu xa, cái thiện với cái ác....

2. Văn học hiện thực:

a. Những vấn đề cần lưu ý khi tìm hiểu tác phẩm của xu hướng văn học hiện thực

- VHHT tập trung phơi bày thực trạng bất công, thối nát của xã hội đương thời, đồng thời đi sâu phản ánh tình cảnh khốn khổ của các tầng lớp nhân dân bị áp bức, bóc lột.

- VHHT phê phán xã hội trên tinh thần dân chủ và nhân đạo, chú trọng miêu tả, phân tích và lí giải một cách chân thực và chính xác quá trình khách quan của hiện thực xã hội thông qua những hình tượng nhân vật điển hình.

b. Đoạn trích “Hạnh phúc của một tang gia” – Vũ Trọng Phụng và tác phẩm “Chí Phèo” – Nam Cao

- Qua chương *Hạnh phúc của một tang gia*, thông qua việc phân tích những chân dung biếm họa và cái đám ma “guồng mầu”, Vũ Trọng Phụng đã phê phán mãnh liệt bản chất lố lăng, đồi bại của xã hội “thượng lưu” ở thành thị ngày trước.

- Qua tác phẩm *Chí Phèo*, Nam Cao đã tố cáo mạnh mẽ xã hội thực dân nửa phong kiến tàn bạo đã cướp đi của người nông dân lương thiện cả nhân hình lẫn nhân tính. Đồng thời, nhà văn còn bộc lộ niềm trân trọng và khẳng định bản chất tốt đẹp của những con người này ngay khi tưởng chừng họ đã bị biến thành quỷ dữ.

3. TÁC PHẨM, ĐOẠN TRÍCH CỤ THỂ

3.1. Tác phẩm *Hai đứa trẻ* (Thạch Lam)

a) Tác giả Thạch Lam.

- Thạch Lam (1910 - 1942) là cây bút truyện ngắn xuất sắc của nền văn học hiện đại Việt Nam giai đoạn 1930 - 1945.

- Là nhà văn đôn hậu và rất đổi tinh tế. Ông thường viết những “truyện không có chuyện”, mỗi truyện như một bài thơ trữ tình, giọng điệu điềm đạm nhưng chứa đựng biết bao tình cảm yêu mến chân thành và sự nhạy cảm của nhà văn trước những biến đổi của cảnh vật và lòng người.

b) Tác phẩm: “Hai đứa trẻ”

- Được in trong tập “Nắng trong vườn” (1938) là một trong những tác phẩm đặc sắc, tiêu biểu cho phong cách truyện ngắn Thạch Lam.

b 1) Nội dung

+Phố huyện lúc chiều tàn :

– Cảnh chiều tàn với âm thanh báo hiệu “*tiếng trống thu không trên cái chòi của huyện nhỏ từng tiếng một vang ra để gọi buổi chiều*”; với nền trời phương tây “*đỏ rực như lửa cháy và những đám mây ánh hồng như hòn than sắp tàn*”, “*dãy tre làng trước mặt đen lại...*”; vắng vắng âm

thanh của “*tiếng ếch nhái kêu ran ngoài đồng ruộng theo gió nhẹ đưa vào*”. Đó là “*một chiều êm ả như ru*”, không gian ấy khiến cho “*Liên không hiểu sao, nhưng chị thấy lòng buồn man mác trước cái giờ khắc của ngày tàn*”.

– *Cảnh chợ tàn* : buổi chợ ở một vùng quê nghèo “*trên đất chỉ còn lại rác rưởi, vỏ bưởi, vỏ thị, lá nhãn và lá mía*”. “*Một mùi ẩm ẩm bốc lên, hơi nóng của ban ngày lẫn với mùi cát bụi quen thuộc*” khiến chị em Liên “*tưởng là mùi riêng của đất, của quê hương này*”. Trên nền đất chỉ còn lại rác rưởi ấy còn mấy đứa trẻ con nhà nghèo ở ven chợ đang “*nhặt nhanh thanh nứa, thanh tre hay bất cứ cái gì đó có thể dùng được của các người bán hàng để lại*”. Nhìn chúng, Liên thấy “*động lòng thương*” nhưng chính chị cũng không có tiền cho chúng.

+ Phố huyện lúc đêm khuya :

– *Thiên nhiên và con người* : “*ngập chìm trong đêm tối mênh mông*”. Đường phố và các con ngõ chứa đầy bóng tối (ánh sáng chỉ hé qua khe cửa của một vài cửa hàng, qua “quầng sáng” quanh ngọn đèn chị Tí, nơi “chấm lửa” nhỏ ở bếp lửa của bác Siêu và từng “hột” sáng lọt qua phen nứa từ cửa hàng của Liên.)

– Nhịp sống của những người dân lặt đi lặt lại một cách đơn điệu, buồn tẻ với những động tác quen thuộc, những suy nghĩ, mong đợi như mọi ngày. Họ mong đợi “*một cái gì tươi sáng cho sự sống nghèo khổ hằng ngày*”.

– *Tâm trạng của Liên* : nhớ lại những ngày tháng tươi đẹp ở Hà Nội ; buồn bã, yên lặng dõi theo những cảnh đời nhọc nhằn, những kiếp người tàn tạ; cảm nhận sâu sắc về cuộc sống tù đọng trong bóng tối của họ.

+ Phố huyện lúc chuyến tàu đêm đi qua :

- Phố huyện sáng bừng lên và huyền ảo trong chốc lát rồi lại chìm vào bóng tối. Chị em Liên hân hoan hạnh phúc khi tàu đến, nuối tiếc, băng khuâng lúc tàu qua. Con tàu mang theo mơ ước về một thế giới khác sáng sủa hơn và đánh thức trong Liên những hồi ức lung linh về Hà Nội xa xăm.

=> *Ý nghĩa của chuyến tàu đêm* : là biểu tượng của một thế giới thật đáng sống với sự giàu sang và rực rỡ ánh sáng. Nó đối lập với cuộc sống mòn mỏi, nghèo nàn, tối tăm và quẩn quanh của người dân phố huyện.

Qua tâm trạng của chị em Liên, tác giả như muốn lay tỉnh những con người đang buồn chán, sống quẩn quanh, lam lũ và hướng họ đến một tương lai tốt đẹp hơn. Đó là giá trị nhân bản sâu sắc của truyện ngắn này.

b 2) Nghệ thuật

+ Cốt truyện đơn giản, nổi bật là những dòng tâm trạng chảy trôi, những cảm xúc, cảm giác mong manh mơ hồ trong tâm hồn nhân vật.

+ Bút pháp tương phản, đối lập.

+ Miêu tả sinh động những biến đổi tinh tế của cảnh vật và tâm trạng con người.

+ Ngôn ngữ, hình ảnh giàu ý nghĩa tượng trưng.

+ Giọng điệu thủ thỉ thấm đượm chất thơ, chất trữ tình sâu lắng

b 3) Ý nghĩa văn bản:

Truyện ngắn “Hai đứa trẻ” thể hiện niềm cảm thương chân thành của Thạch Lam đối với những kiếp sống nghèo khổ, chìm khuất trong mòn mỏi, tăm tối, quẩn quanh nơi phố huyện trước Cách mạng và sự trân trọng với những mong ước bé nhỏ, bình dị mà tha thiết của họ.

3.2. Tác phẩm Chữ người tử tù (Nguyễn Tuân)

a) Tác giả Nguyễn Tuân:

- Nguyễn Tuân (1910 -1987) sinh ra trong một gia đình nhà nho khi Hán học đã tàn.

- Nguyễn Tuân là nhà văn lớn, một nghệ sĩ tài hoa, uyên bác, có cá tính độc đáo, suốt đời đi tìm cái đẹp. Nguyễn Tuân sáng tác ở nhiều thể loại, đặc biệt thành công ở thể loại tùy bút.

b) Tác phẩm “Chữ người tử tù”:

- *Chữ người tử tù* từ lúc đầu có tên là *Dòng chữ cuối cùng*, in năm 1939 trên tạp chí Tao đàn, sau đó được tuyển in trong tập truyện *Vang bóng một thời* và đổi tên thành *Chữ người tử tù*, được đánh giá là “một văn phẩm gần tới sự toàn thiện, toàn mỹ” (Vũ Ngọc Phan).

b 1) Nội dung

+ *Tình huống truyện.*

Tình huống là hoàn cảnh có vấn đề nhà văn tạo dựng để các nhân vật buộc phải thể hiện đúng tính cách của mình. Hoàn cảnh điển hình sẽ làm nảy sinh tính cách điển hình. Nguyễn Tuân đã tạo dựng một tình huống vừa kì lạ vừa oái oăm. Nơi gặp gỡ là nhà ngục và sự gặp nhau giữa hai con người thuộc về hai phía đối lập nhau: Huân Cao – kẻ tử tù và viên quản ngục.

- *Xét trên bình diện xã hội* : Huân Cao đại diện cho những kẻ cầm đầu cuộc nổi loạn chống lại triều đình, quản ngục đại diện cho hệ thống và trật tự của giai cấp cầm quyền đương thời^a Họ là 2 kẻ đối nghịch

- *Xét trên bình diện nghệ thuật*

Huân Cao – người sáng tạo ra cái đẹp (nghệ thuật thư pháp). Quản ngục người ngưỡng mộ cái đẹp, cái tài của Huân Cao. Họ là tri âm tri kỉ.

-*Tác dụng:*

Đặt nhân vật vào tình huống giàu kịch tính có tác dụng để nhân vật được bộc lộ tính cách. Bộc lộ tư tưởng của tác phẩm. Tình huống truyện đã góp phần tạo nên kịch tính cho truyện ngắn, tạo nên tính thẩm mỹ cho thiên truyện. Tạo sự hồi hộp cũng như hứng thú cho độc giả.

+ *Vẻ đẹp của hình tượng nhân vật Huân Cao.*

+ Mang cốt cách của một nghệ sĩ tài hoa; có khí phách của một trang anh hùng nghĩa liệt; sáng ngời vẻ đẹp trong sáng của người có thiên lương,...

+ vẻ đẹp tài hoa, khí phách hiên ngang, thiên lương trong sáng ở Huân Cao kết tinh trong cảnh cho chữ-một *cảnh tượng xưa nay chưa từng có*.e đó, cái đẹp, cái thiện và nhân cách cao thượng của con người đã chiến thắng, tỏa sáng.

=> Qua hình tượng Huân Cao, Nguyễn Tuân muốn khẳng định cái đẹp là bất diệt, cái tài và cái tâm, cái đẹp và cái thiện không thể tách rời; thể hiện sự trân trọng những giá trị tinh thần của dân tộc.

+ ***Nhân vật viên quản ngục:*** Có sở thích cao quý, biết say mê và quý trọng cái đẹp, biết cảm phục tài năng, nhân cách và *biệt nhỡn liên tài*. Qua nhân vật này, nhà văn muốn nói: trong mỗi con người đều ẩn chứa tâm hồn yêu cái đẹp, cái tài. Cái đẹp chân chính, trong bất cứ hoàn cảnh nào vẫn giữ được *phẩm chất, nhân cách*.

b 2) Nghệ thuật

+ Tạo dựng tình huống truyện độc đáo, đặc sắc(cuộc gặp gỡ và mối quan hệ éo le, trớ trêu giữa viên quản ngục và Huân Cao).

+ Sử dụng thành công thủ pháp đối lập, tương phản.

+ Xây dựng thành công nhân vật Huân Cao – con người hội tụ nhiều vẻ đẹp.

+ Ngôn ngữ góc cạnh, giàu hình ảnh, có tính tạo hình, vừa cổ kính vừa hiện đại.

b 3) Ý nghĩa văn bản: Khẳng định và tôn vinh sự chiến thắng của ánh sáng, cái đẹp, cái thiện, và nhân cách cao cả của con người ngay trong hoàn cảnh ngặt nghèo, ngay ở môi trường của cái ác và bóng tối đồng thời bộc lộ lòng yêu nước thầm kín của nhà văn .

PHẦN III. KIẾN THỨC LÀM VĂN

1. Viết đoạn văn nghị luận xã hội 150 chữ.

- **Hình thức:** Một đoạn văn có độ dài 150 chữ (khoảng 15-20 dòng).
- **Nội dung:** Trình bày suy nghĩ về các vấn đề xã hội (một tư tưởng đạo lí, một hiện tượng đời sống), đảm bảo được các luận điểm sau:
 - + **Giải thích** vấn đề nghị luận
 - + **Bàn luận** về ý nghĩa/ vai trò/ sự cần thiết của một tư tưởng đạo lí hoặc ý nghĩa/tác hại của một hiện tượng đời sống.
 - + **Bài học liên hệ.**

2. Bài văn nghị luận văn học.

a. Lí thuyết

*** Tìm ý:**

4. Tự tái hiện lại kiến thức đã học về những giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm đang bàn đến.
5. Trả lời các câu hỏi sau:
 - + Xác định giá trị nội dung: tác phẩm ấy chứa đựng bao nhiêu nội dung? Đó là những nội dung nào? Qua mỗi nội dung, tác giả thể hiện thái độ, tình cảm gì? Gửi gắm thông điệp gì đến người đọc?
 - + Xác định giá trị nghệ thuật: để làm bật lên giá trị nội dung, nhà văn đã sử dụng những hình thức nghệ thuật nào?

*** Lập dàn ý:** (Chú ý đảm bảo bố cục 3 phần của bài văn)

- Mở bài:

- + Giới thiệu vài nét cơ bản về tác giả
- + Giới thiệu hoàn cảnh ra đời, xuất xứ của tác phẩm
- + Giới thiệu vấn đề cần nghị luận

- Thân bài:

- + Nêu luận điểm 1 - luận cứ 1, luận cứ 2 (Chỉ ra nội dung thứ nhất là gì? Trong đó chứa đựng giá trị nghệ thuật gì? Giá trị tư tưởng tình cảm gì?)
- + Nêu luận điểm 2 – luận cứ 1, luận cứ 2 (Chỉ ra nội dung thứ hai là gì? Trong đó chứa đựng giá trị nghệ thuật gì? Giá trị tư tưởng tình cảm gì?)

....

- + Đánh giá chung: chỉ ra thành công về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm (Có thể mở rộng bằng cách so sánh với các tác phẩm khác cùng thời)

- Kết bài:

- + Khẳng định giá trị văn học của tác phẩm ở hai mặt nội dung và nghệ thuật.

b. Các dạng đề thường gặp

- Phân tích/ cảm nhận một đoạn thơ (4-6 câu).
- Phân tích/ cảm nhận một đoạn trích văn xuôi (dung lượng vừa phải, có sự việc).
- Phân tích/ cảm nhận một nhân vật văn học.
- Phân tích/ cảm nhận một khía cạnh nội dung hoặc nghệ thuật trong tác phẩm.

B. MỘT SỐ ĐỀ MINH HỌA

Đề 01:

I. Đọc hiểu (3.0 điểm)

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi:

Loài người không được cho sẵn bất cứ cái gì trên mặt đất này. Tất cả những gì anh ta cần - anh ta phải làm ra chúng. Và ở đây loài người đối mặt với sự lựa chọn cơ bản nhất của mình:

anh ta chỉ có thể tồn tại được theo một trong hai cách - bằng cách làm việc độc lập với bộ óc của riêng anh ta, hay là trở thành một kẻ ăn bám sống nhờ bộ óc của những người khác. Người sáng tạo chọn cách thứ nhất. Kẻ ăn bám thì chọn cách thứ hai. Người sáng tạo một mình đối mặt với tự nhiên. Kẻ ăn bám đối mặt với tự nhiên thông qua những trung gian.

Mối quan tâm của người sáng tạo là chinh phục tự nhiên. Còn mối quan tâm của kẻ ăn bám là chinh phục con người.

Người sáng tạo sống với lao động của chính mình. Anh ta không cần ai khác. Mục đích cơ bản của anh ta là chinh bản thân anh ta. Kẻ ăn bám sống cuộc đời thứ cấp. Anh ta cần những người khác. Những người khác trở thành động lực chính của anh ta.

(Trích tiểu thuyết *Suối nguồn*, Ayo Rand, NXB Trẻ, TP HCM, 2017, tr.1174)

Câu 1. Theo tác giả đoạn trích trên, loài người chỉ có thể tồn tại được bằng cách nào? (0.5 điểm)

Câu 2. Trong đoạn trích, tác giả chủ yếu sử dụng thao tác lập luận nào? (0,5 điểm)

Câu 3. Nêu tác dụng của phép điệp được sử dụng trong các câu sau: *Người sáng tạo chọn cách thứ nhất. Kẻ ăn bám thì chọn cách thứ hai. Người sáng tạo một mình đối mặt với tự nhiên. Kẻ ăn bám đối mặt với tự nhiên thông qua những trung gian.* (1.0 điểm)

Câu 4. Từ nội dung đoạn trích, anh/chị hãy rút ra bài học có ý nghĩa nhất đối với bản thân. (1.0 điểm)

II. Làm văn (7.0 điểm)

Câu 1. (2.0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về hậu quả của lối sống ăn bám.

Câu 2. (5.0 điểm)

Cảm nhận của anh/ chị về vẻ đẹp khí phách của nhân vật Huân Cao trong truyện ngắn *Chữ người tử tù* của Nguyễn Tuân.

Đề 02:

I. Đọc hiểu (3.0 điểm)

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi:

“Làm thế nào để hiểu được chính mình là câu hỏi lớn của nhiều người trẻ. Người không trẻ chưa hẳn đã hiểu chính mình, nhưng họ nhiều khi đã ngừng đặt câu hỏi.

Hiểu được bản thân là điều đầu tiên để phát triển, để từ đó làm việc mình thích và có một cuộc đời như mơ ước. Việc này không phải một sớm một chiều có thể xong được. Tôi chưa thấy ai một sáng thức dậy bỗng nhận ra rằng bây giờ mình đã hiểu mình là ai.

Mỗi người trong chúng ta là một cá thể khác biệt. Ai cũng có thể mạnh, sợ trường. Điều quan trọng là mình hiểu được mình, biết được điểm mạnh, điểm yếu của mình, biết được mình thích gì, muốn gì, mình phù hợp với cái gì để rồi từ đó mài giũa bản thân theo nó.

Để bắt đầu tìm hiểu chính mình, điều cần làm là ngừng so sánh mình với người khác, ngừng suy nghĩ tiêu cực về bản thân, học cách lắng nghe và yêu thương chính mình.

Muốn khám phá bản thân, có thể dựa vào những cách từ bên ngoài và bên trong.

Về bên ngoài, nếu hoàn toàn mù mờ về bản thân thì bạn có thể bắt đầu bằng những thứ cơ bản: các trải nghiệm tính cách...

Một cách khác để hiểu bản thân hơn là hỏi. Đặt ra những câu hỏi cho những người xung quanh mình, gia đình, bạn bè, đồng nghiệp thân thiết, người yêu...những người bạn nghĩ rằng họ hiểu bạn.

Cách tiếp theo để tìm hiểu bản thân là thay vì hỏi người bên ngoài thì tự hỏi chính mình. Dành thời gian yên tĩnh một mình để nhìn vào bên trong, hồi tưởng quá khứ, tìm hiểu những giá trị cốt lõi của bản thân mình.”

(Trích *Tuổi trẻ đáng giá bao nhiêu*, Rosie Nguyễn)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản? (0.5 điểm)

Câu 2. Theo tác giả, việc hiểu được bản thân là khó hay dễ? Điều đó có ý nghĩa quan trọng như thế nào? (0.5 điểm)

Câu 3. Anh/chị hiểu như thế nào về ý kiến: “*Mỗi người trong chúng ta là một cá thể khác biệt*”? (1.0 điểm)

Câu 4. Anh/chị có đồng tình với quan điểm của tác giả: “... *để tìm hiểu bản thân là thay vì hỏi người bên ngoài thì tự hỏi chính mình*”? Vì sao? (1.0 điểm)

II. Làm văn (7.0 điểm)

Câu 1. (2.0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của việc hiểu về chính mình.

Câu 2. (5.0 điểm)

Phân tích quan niệm sống ngất ngưỡng khi làm quan của Nguyễn Công Trứ được thể hiện trong đoạn thơ sau:

*Vũ trụ nội mạc phi phận sự
Ông Hi Văn tài bộ đã vào lồng
Khi Thủ khoa, khi Tham tán, khi Tổng đốc Đông
Gồm thao lược đã nên tay ngất ngưỡng
Lúc bình Tây, cờ đại tướng
Có khi về Phủ doãn Thừa Thiên.*

(*Bài ca ngất ngưỡng*, Nguyễn Công Trứ, *Ngữ văn 11*, Tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, 2019)

ĐỀ 03:

I. Đọc hiểu (3.0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Mỗi chúng ta đều có một sứ mệnh trong cuộc đời này và phải nỗ lực hết mình để hoàn thành nó. Sứ mệnh đó bắt đầu từ khi bạn sinh ra và sẽ theo bạn cho đến hơi thở cuối cùng! Sứ mệnh đó được cụ thể hóa bằng trách nhiệm trong mỗi giai đoạn hoặc thời kỳ của cuộc đời mỗi người.

Trách nhiệm là yếu tố cơ bản làm nên một con người đích thực. Trách nhiệm điều chỉnh hành động của con người theo những nguyên tắc nhất định. Dù bạn là ai hay vị trí hiện tại của bạn là gì thì việc tỏ ra có trách nhiệm trong những việc mình làm là điều rất cần thiết. Trong tất cả những trách nhiệm mà bạn phải gánh vác thì trách nhiệm với chính bản thân là cao cả và nặng nề nhất. Nếu bạn tỏ ra hèn kém hoặc nghi ngại ngay trong chính suy nghĩ và quyết định của mình thì sớm muộn gì, bạn cũng sẽ thất bại.

Hãy sống dấn thân và thực hiện những mục tiêu mình đã đề ra. Nhưng quan trọng hơn, hãy sống với tinh thần trách nhiệm cao nhất, không chỉ với gia đình, công việc mà còn với chính bản thân. Khi làm bất kỳ việc gì, bạn hãy nỗ lực hết mình và biết chịu trách nhiệm với từng lời nói, hành động của mình. Bạn nên hiểu rằng, tiền bạc hay địa vị không phải là thứ có thể mang đến một cuộc sống hạnh phúc đích thực. Chỉ có những quyết định mang tính trách nhiệm mới có thể giúp bạn có được cuộc sống như bạn khao khát.

(Trích *Không gì là không thể*, George Matthew Adams, NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 2019, tr.103 - 104)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên. (0,5 điểm)

Câu 2. Theo đoạn trích, trong các trách nhiệm thì trách nhiệm nào được xem là cao cả và nặng nề nhất? (0,5 điểm)

Câu 3. Dựa vào đoạn trích, anh/chị hãy cho biết “*sống dấn thân*” là sống như thế nào? (1,0 điểm)

Câu 4. Lời khuyên “*Khi làm bất kỳ việc gì, bạn hãy nỗ lực hết mình và biết chịu trách nhiệm với từng lời nói, hành động của mình*” trong đoạn trích có ý nghĩa gì với anh/chị? (1,0 điểm)

II. Làm văn (7.0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm). Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) bàn về ý nghĩa của việc sống có trách nhiệm.

Câu 2 (5,0 điểm). Cảm nhận về bức tranh phố huyện lúc chiều tàn được Thạch Lam thể hiện trong đoạn văn sau:

Tiếng trống thu không trên cái chợ của huyện nhỏ; từng tiếng một vang xa để gọi buổi chiều. Phương tây đỏ rực như lửa cháy và những đám mây ánh hồng như hòn than sắp tàn. Dãy tre làng trước mặt đen lại và cắt hình rõ rệt trên nền trời.

Chiều, chiều rồi. Một chiều êm ả như ru, văng vẳng tiếng ếch nhái kêu ran ngoài đồng ruộng theo gió nhẹ đưa vào. Trong cửa hàng hơi tối, muỗi đã bắt đầu vo ve. Liên ngồi yên lặng bên mấy quả thuốc sơn đen; đôi mắt chị bóng tối ngập đầy dần và cái buồn của buổi chiều quê thấm thía vào tâm hồn ngây thơ của chị: Liên không hiểu sao, nhưng chị thấy lòng buồn man mác trước cái giờ khắc của ngày tàn.

- Em thấp đèn lên chị Liên nhé?

Nghe tiếng An, Liên đứng dậy trả lời:

- Hằng thong thả một lát nữa cũng được. Em ra ngồi đây với chị kéo trong muỗi.

An bỏ bao diêm xuống bàn cùng chị ra ngoài chổng ngói; chiếc chổng nan lún xuống và kêu cọt két.

- Cái chổng này sắp gãy rồi chị nhỉ?

- Ừ để rồi chị bảo mẹ mua cái khác thay vào.

Hai chị em gượng nhẹ ngồi yên nhìn ra phố. Các nhà đã lên đèn cả rồi, đèn treo trong nhà bác phở Mĩ, đèn Hoa Kỳ leo lét trong nhà ông Cửu, và đèn dây sáng xanh trong hiệu khách... Những nguồn ánh sáng đều chiếu ra ngoài phố khiến cát lấp lánh từng chỗ và đường mấp mô thêm vì những hòn đá nhỏ một bên sáng một bên tối.

(Hai đứa trẻ, Thạch Lam, Ngữ văn 11, Tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, 2017, tr.95)